

ƯỚC THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024
THEO NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Ước thực hiện kế hoạch năm 2024			Kế hoạch năm 2025
					Ước thực hiện năm 2024	So kế hoạch 2024 (%)	So với năm 2023 (%)	
A	KINH TẾ							
I	NGÂN SÁCH							
1	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	524,577	930,100	549,388	59,07	104,73	567,800
2	Chi cân đối ngân sách địa phương	Tỷ đồng	1.130,035	953,866	1.649,731	172,95	145,99	1.057,850
	<i>Trong đó: Chi đầu tư phát triển</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>534,94712</i>	<i>227,000</i>	<i>893,381</i>	<i>393,56</i>	<i>167,00</i>	<i>231,000</i>
II	ĐẦU TƯ							
3	Tổng vốn huy động đầu tư thực hiện trên địa bàn	Tỷ đồng	4.154,836	3.900,000	4.161,843	106,71	100,17	4.000,000
4	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	572,275	774,602	774,602	100,00	135,35	700,669
5	Vốn đầu tư thuộc nguồn vốn NSNN do cấp huyện quản lý		440,997	603,180	603,180	100,00	136,78	381,280
	<i>Số dự án</i>	<i>Dự án</i>	<i>32</i>	<i>30</i>	<i>30</i>			<i>18</i>
	<i>Tổng vốn</i>	<i>Tỷ đồng</i>						
III	DOANH NGHIỆP							
6	Số doanh nghiệp thành lập mới	Doanh nghiệp	50	78	60	76,92	120,00	thực hiện theo chỉ tiêu Tỉnh giao
	<i>Tổng số vốn đăng ký</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>382,1</i>					
B	XÃ HỘI							
I	DÂN SỐ							
7	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	0,75	<1	<1	đạt		<1
8	Tỷ số giới tính khi sinh	Số bé trai/100 bé gái	104,83	103-107	103-107	đạt		103-107
II	LAO ĐỘNG							
9	Số người lao động có việc làm trong năm	Người	2.525	1.800	2.010	111,67		1.800
10	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	%	78,61	78,70	78,70	100,00		79,00
	<i>Trong đó: Có bằng, chứng chỉ</i>	%	<i>50,16</i>	<i>50,00</i>	<i>50,06</i>	<i>100,12</i>		<i>50,00</i>
11	Tổng số lao động nông thôn được đào tạo nghề	Người	4.005	4.000	4.013	100,33		4.000
12	Số lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng trong năm	Người	84	100	100	100,00	119,05	thực hiện theo chỉ tiêu Tỉnh giao
III	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO							
13	Tỷ lệ huy động trẻ em từ 6 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi đi nhà trẻ	%	48,32	43,00	43,20	100,47	89,40	43,00
14	Tỷ lệ huy động trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đi học mẫu giáo	%	96,67	90,00	96,90	107,67	100,24	95,00
15	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đi học	%						
	<i>Tiểu học</i>	%	<i>100</i>	<i>>99</i>	<i>100,00</i>	<i>101,00</i>	<i>100,00</i>	<i>100,00</i>
	<i>Trung học cơ sở</i>	%	<i>99,53</i>	<i>98,00</i>	<i>99,17</i>	<i>101,19</i>	<i>99,64</i>	<i>99,2</i>

	<i>Trung học phổ thông</i>	%	95,44	94,00	94,96	101,02	99,50	95,00
16	Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia	%	75,00	78,13	80,65	103,22	107,53	f
IV	Y TẾ							
17	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng							
	<i>Cân nặng theo tuổi</i>	%	9,12	≤ 9,12	8,92	102,24	102,24	≤ 8,92
	<i>Chiều cao theo tuổi</i>	%	12,36	≤ 12,36	11,99	103,09	103,09	≤ 11,99
18	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
19	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế	%	93,50	94,29	95,00	100,75	101,60	95,00
20	Tỷ lệ trạm y tế xã/phường có bác sĩ làm việc	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
V	MỨC SỐNG DÂN CƯ							
21	Tỷ lệ nghèo đa chiều	%						
	<i>Tỷ lệ hộ nghèo</i>	%	1,27	<1,27	1,0	127,00	giảm 0,27	<1,0
	<i>Tỷ lệ hộ cận nghèo</i>	%	2,48	<2,48	2,15	115,35	giảm 0,33	<2,15
22	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	100	100	100	100,00	100,00	100
23	Tỷ lệ nông thôn đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	99	99	99	100,00	101,01	99
24	Tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa	%	95,48	90,00	91,00	101,11	95,31	91
C	MÔI TRƯỜNG, ĐÔ THỊ							
25	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	%	100	100	100	100	100,00	100
26	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý	%	95	99	99	100	104,21	99
27	Tỷ lệ đô thị hóa	%	82	82	82	100	100,00	82
D	CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH							
28	Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX)	%	86,42	>80	>87	đạt		>89
	<i>Xếp hạng</i>	<i>Hạng</i>	5					
29	Chỉ số hài lòng của người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước (SIPAS)	%	91,22	90	>90	đạt		>90
	<i>Xếp hạng</i>	<i>Hạng</i>	10					
E	AN NINH - QUỐC PHÒNG							
30	Tuyển quân	%	100	100	100	100	100	100
31	Tỷ lệ tin tố giác, tin báo tội phạm được tiếp nhận, xử lý theo quy định	%	100	100	100	100	100	100
32	Tỷ lệ điều tra khám phá phạm pháp hình sự trong năm	%	89,47	≥80	≥95	đạt		≥95
33	Tỷ lệ điều tra án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng	%	100	≥95	100	đạt		100

Thành phố đã triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 với 33 chỉ tiêu, ước kết quả thực hiện đạt và vượt 31 chỉ tiêu, có 02 chỉ tiêu không đạt (thu ngân sách, doanh nghiệp thành lập mới).

